

## THƯ VIỆN SỐ VỚI VẤN ĐỀ BẢN QUYỀN

ThS. Trịnh Khánh Vân\*

Thư viện số là dịch vụ có chức năng phân loại, lưu trữ, bảo vệ, tìm kiếm và truy xuất thông tin dưới dạng số và được truy cập thông qua máy tính. Những thông tin số có thể được lưu trữ tại chỗ hoặc cập nhật từ xa thông qua mạng máy tính. Ban đầu, thuật ngữ “thư viện số” thường được gọi là “thư viện điện tử” hay “thư viện ảo”. Để được coi là thư viện số thì việc sưu tập thông tin trực tuyến phải được quản lý và tạo khả năng truy cập cho cộng đồng người sử dụng.

Thư viện truyền thống bị giới hạn bởi không gian lưu trữ. Nhưng thư viện số có khả năng lưu trữ nhiều thông tin hơn bởi vì những thông tin số cần rất ít không gian để lưu trữ. Thư viện số có thể áp dụng trực tiếp những phát minh công nghệ cung cấp cho người sử dụng những khả năng tiếp cận mới trong công nghệ sách điện tử và sách tiếng, cũng như những khả năng hiển thị thông tin mới như wiki, blog.

Chúng ta có thể nhận thấy nhiều tiện ích mà thư viện số có thể mang lại. Những người sử dụng thư viện số ở vòng quanh thế giới có thể truy cập cùng một thông tin thông qua mạng internet mà không cần phải đi đến thư viện; Mọi người có thể truy cập

---

\* Giảng viên Khoa Thông tin - Thư viện, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN.

thông tin ở bất cứ thời điểm nào, bất kể ban đêm hay ngày; Người sử dụng có thể truy xuất tài liệu cần tìm nhanh chóng thông qua cấu trúc và giao diện thiết kế của thư viện số; Một thư viện số có thể cung cấp đường dẫn tới bất cứ một nguồn tài liệu, thông tin nào của một thư viện số khác.

Đối với thư viện truyền thống, đối tượng tài liệu có thể là những cuốn sách, tạp chí, băng video, những cái mà chúng ta có thể cầm nắm và trao đổi. Sự xuất hiện "tài liệu số" đã làm nổi tung quan niệm cũ. Thư viện số liên quan đến những đối tượng tài liệu mà ta không thể "sờ" thấy.

Những bản sao số dễ dàng được tạo ra, sửa đổi và phát tán rộng rãi trong hệ thống mạng máy tính. Từ đó, những người nắm giữ bản quyền sẽ gặp khó khăn trong việc quản lý và làm chủ những bản sao số đó. Thậm chí, những bản sao số này cũng có thể được tạo ra một cách tình cờ khi một cá nhân truy cập vào những website, "những bản sao tình cờ" tự động được tạo ra ở bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên RAM trong máy tính của họ. Hơn nữa, những bản sao số có tính chất nhất thời. Không giống như một cuốn sách bạn có thể mua và sở hữu. Đối với những tài liệu của thư viện số, ngày hôm nay bạn có thể truy cập nhưng ngày mai có thể không. Do vậy, thư viện số gặp vấn đề về bản quyền. Trong những năm gần đây, cuộc chiến pháp lý về bản quyền giữa một bên là người nắm giữ bản quyền (nhà xuất bản, công ty giải trí, công nghiệp kinh doanh phần mềm) và bên kia những người sử dụng.

Về vấn đề bản quyền, tài liệu được chia làm hai loại:

- Tài liệu nằm ngoài bản quyền (Out-of-copyright)

- *Tài liệu xuất bản bởi chính phủ*: văn bản pháp quy, số liệu thống kê, tài liệu thuộc lĩnh vực tư pháp. Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam, Chương I, Mục 1, Điều 15 ghi rõ: "Các đối tượng không

thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả: 1. Tin tức thời sự thuần túy đưa tin. 2. Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính, văn bản khác thuộc lĩnh vực tư pháp và bản dịch chính thức của văn bản đó. 3. Quy trình, hệ thống, phương pháp hoạt động, khái niệm, nguyên lý, số liệu”.

- *Tài liệu đã thuộc về công chúng (Public domain)*: tài liệu có bản quyền nhưng đã hết thời gian bảo hộ. Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam 2005: Điều 27, khoản (a), (b) khẳng định: “... Tác phẩm không thuộc loại hình quy định tại điểm a khoản này có thời hạn bảo hộ là suốt cuộc đời tác giả và năm mươi năm tiếp theo năm tác giả chết; trong trường hợp tác phẩm có đồng tác giả thì thời hạn bảo hộ chấm dứt vào năm thứ năm mươi sau năm đồng tác giả cuối cùng chết”.

- Tài liệu được bảo vệ theo luật bản quyền

- Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam 2005: Điều 25: *Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao, khoản (a) Tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân, (d) “Sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu”.*

Một trong những nguyên tắc cơ bản của pháp luật sở hữu trí tuệ nói chung, pháp luật quyền tác giả nói riêng là nguyên tắc cân bằng lợi ích giữa tác giả, chủ sở hữu tác phẩm với lợi ích của xã hội. Một trong những lĩnh vực thể hiện rất rõ chính sách của Nhà nước trong việc thực hiện nguyên tắc này là lĩnh vực sao chép tác phẩm. Hiện nay Việt Nam đã là thành viên của một loạt các điều ước quốc tế đa phương, song phương quan trọng về quyền tác giả như: Công ước Berne 1886 về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật; Công ước Geneva về bảo hộ nhà sản xuất bản ghi âm chống lại việc sao chép bản ghi âm của họ; Công ước về sự phổ biến các chương trình mang tín hiệu truyền qua vệ tinh; Hiệp định thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ; Hiệp định bản quyền Việt

Nam – Thụy Sĩ... Gần đây nhất, ngày 11/01/2007 Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), chúng ta đã cam kết thực hiện ngay các quy định của Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS). Nước ta là một nước đang phát triển, thu nhập của người dân còn thấp, nhưng nhu cầu về thương thức các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học (sau đây gọi tắt là tác phẩm), nhu cầu tiếp cận với tri thức của nhân loại là rất lớn. Do vậy vấn đề được đặt ra là làm sao chúng ta thực hiện một cách hài hòa nguyên tắc cân bằng lợi ích giữa tác giả, chủ sở hữu tác phẩm với lợi ích của xã hội để có thể đáp ứng được một cách tốt nhất nhu cầu của xã hội mà vẫn bảo vệ được quyền của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm nhằm khuyến khích sự sáng tạo và thực hiện các cam kết quốc tế trong lĩnh vực sao chép tác phẩm, đặc biệt, trong quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về quyền sao chép tác phẩm phục vụ cho học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong môi trường đào tạo đại học.

Trước tiên cần khẳng định rằng quyền sao chép tác phẩm là một trong những quyền tài sản cơ bản và quan trọng nhất của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm và quyền này được bảo hộ cả từ góc độ pháp luật quốc tế, cả từ góc độ pháp luật quốc gia.

Dưới góc độ luật quốc tế, Điều 9 Công ước Berne về bảo hộ tác phẩm văn học và nghệ thuật quy định: “Tác giả có các tác phẩm văn học, nghệ thuật được Công ước này bảo hộ, được hưởng độc quyền cho phép sao in các tác phẩm đó dưới bất kỳ phương thức hay hình thức nào”. Các tác phẩm văn học nghệ thuật được Công ước liệt kê tại Điều 2 bao gồm “tất cả các sản phẩm trong lĩnh vực văn học nghệ thuật và khoa học, bất kỳ được biểu hiện theo phương thức hay dưới hình thức nào, chẳng hạn như sách, tập in nhỏ và các bản viết khác, các bài giảng, bài phát biểu” [1]. Như vậy, theo quy định trên thì giáo trình, đề cương bài

giảng, sách tham khảo, sách chuyên khảo, các luận án, luận văn, các bài viết trên các tạp chí chuyên ngành và các tài liệu khác đều là các tác phẩm được bảo hộ theo Công ước Berne.

Dưới góc độ pháp luật Việt Nam, quyền sao chép tác phẩm được quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2005 (BLDS 2005) và Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (Luật SHTT). Điều 738 BLDS 2005 và Điều 20 Luật SHTT đều quy định một trong những quyền tài sản của tác giả được pháp luật bảo hộ là quyền sao chép tác phẩm. Pháp luật Việt Nam định nghĩa quyền sao chép tác phẩm là “quyền của chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc tạo ra bản sao của tác phẩm bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc lưu trữ thường xuyên hoặc tạm thời tác phẩm dưới hình thức điện tử” [2]. Thuật ngữ “sao chép” được giải thích là “việc tạo ra một hoặc nhiều bản sao của tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc lưu trữ thường xuyên hoặc tạm thời tác phẩm dưới hình thức điện tử” [3]. Bản sao tác phẩm được giải thích tại Điều 4 Nghị định 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan[4] là “bản sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp một phần hoặc toàn bộ tác phẩm”.

BLDS 2005 hiện hành chỉ quy định những nội dung mang tính nguyên tắc về quyền sở hữu trí tuệ còn các nội dung cụ thể được quy định tại Luật SHTT (có hiệu lực từ ngày 01/7/2006). Tại Điều 25 Luật SHTT quy định một trong những trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao là “tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân” và “sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu” [5]. Điều 25 Nghị định 100/2006/NĐ-CP giải thích “tự sao chép một

bản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ áp dụng đối với trường hợp nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân, không nhằm mục đích thương mại”.

Với các quy định nêu trên của Công ước Berne và pháp luật Việt Nam thì rõ ràng là trong những trường hợp và điều kiện nhất định chúng ta có quyền photocopy tác phẩm mà không cần xin phép tác giả, không cần trả thù lao cho tác giả. Điều kiện đó là gì? Trường hợp đó là những trường hợp nào? Hay nói một cách cụ thể sinh viên có quyền photocopy tài liệu trong những trường hợp nào? Số lượng và khối lượng được photocopy tới đâu? Theo chúng tôi khi xem xét vấn đề này cần phải hiểu đầy đủ nội dung quy định của Điều 25 Luật SHTT và Điều 25 Nghị định 100/2006/NĐ-CP.

Thứ nhất: pháp luật Việt Nam chỉ cho phép sao chép tác phẩm nói chung (photocopy nói riêng) không quá một bản trong trường hợp nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân, không nhằm mục đích thương mại. Nghiên cứu khoa học được pháp luật Việt Nam định nghĩa là “hoạt động phát hiện, tìm hiểu các hiện tượng, sự vật, quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy, sáng tạo các giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn. Nghiên cứu khoa học bao gồm nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng” [6]. Như vậy, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 25 Luật SHTT không áp dụng cho sinh viên, học viên trong trường hợp photocopy tài liệu nhằm mục đích học tập. Vậy giảng viên có quyền photocopy tác phẩm không? Theo chúng tôi là có, nếu việc photocopy đó không quá một bản và nhằm phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học và giảng dạy. Pháp luật của một số nước còn mở rộng quyền sao chép tác phẩm của giảng viên nhằm mục đích giảng dạy (kể cả photocopy nhiều bản phát cho các học viên trong lớp học)[7] vì hành vi (photocopy) của giáo viên trong trường hợp này không nhằm mục đích thương mại.

Thứ hai, khoản 2 Điều 25 Luật SHTT quy định: “Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm quy định tại khoản 1 Điều này không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, không gây phương hại đến các quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả...”. Như vậy, tình trạng học viên (sinh viên) tự do photocopy giáo trình và các tài liệu khác với lập luận cho rằng chỉ photocopy một bản nhằm mục đích cá nhân (học tập) thì có vi phạm khoản 2 Điều 25 không? Thực tế tình trạng photocopy này không những đã làm ảnh hưởng, mà thậm chí còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc khai thác bình thường tác phẩm của tác giả và chủ sở hữu tác phẩm. Bởi lẽ đơn giản là giá thành photocopy tác phẩm sẽ rẻ hơn giá mua tác phẩm, cho nên chắc chắn nhiều người sẽ lựa chọn hình thức photocopy tác phẩm hơn là mua tác phẩm, và điều này thì chắc chắn ai cũng biết và nhìn thấy được là sẽ gây phương hại đến các quyền của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm trong việc khai thác quyền tài sản của mình. Chính vì vậy, việc photocopy tài liệu, giáo trình mà không được phép của tác giả không thuộc trường hợp được quy định tại Điều 25 Luật SHTT và Điều 25 Nghị định 100/2006/NĐ-CP và đây là hành vi xâm phạm quyền tác giả theo quy định tại Điều 28 Luật SHTT. Trong trường hợp việc photocopy tài liệu được thực hiện một cách có tổ chức và hệ thống thì không những bị coi là vi phạm quyền sao chép mà còn xâm phạm cả quyền phân phối tác phẩm của chủ sở hữu quyền tác giả” [8]. Còn đối với thư viện thì theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định 100/2006/NĐ-CP, thư viện chỉ có quyền sao chép không quá một bản nhằm mục đích nghiên cứu và thư viện không được sao chép, phân phối bản sao tác phẩm tới công chúng, kể cả bản sao kỹ thuật số.

Trong một thư viện truyền thống, quyền sở hữu tài liệu là quan trọng; nhưng trong lĩnh vực lưu hành tài nguyên điện tử, quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể là quyền tác giả hay bản quyền là quan trọng hơn. Suu tầm thông tin và làm cho thông tin đó trở

nên phổ biến hơn đối những người khác là một điều liên quan đến vấn đề xã hội, và những người xây dựng thư viện số phải am hiểu quyền sở hữu trí tuệ để hành động một cách có trách nhiệm và đúng luật xung quanh những ứng dụng cụ thể của họ. Thư viện số có thể làm cho việc truy cập trở nên rộng rãi hơn thư viện truyền thống. Muốn xây dựng thư viện số thì phải cần số hoá tài liệu. Chúng ta phải làm như thế nào để tránh vi phạm bản quyền? Nếu tác phẩm được số hoá ở trong miền công cộng thì chúng ta không phải xin phép. Nếu ta muốn số hoá tài liệu mà không rơi vào trường hợp nằm ngoài bản quyền thì ta phải cân nhắc thử việc số hoá của chúng ta có phải là một việc làm có lợi ích chung mà không xâm phạm quyền lợi của người khác. Đây là một điều khó khăn về mặt pháp lý.

Tóm lại để tiến hành xây dựng thư viện số, ta phải lưu ý đến vấn đề bản quyền. Những người thực hiện phải cam kết hiểu biết đầy đủ về bản quyền và nhận thức sâu sắc rằng giấy phép là rất cần thiết để chuyển đổi tài liệu không thuộc trong miền công cộng. Việc số hoá tài liệu cho thư viện số là không vi phạm bản quyền nếu:

- Tài liệu nằm ngoài bản quyền.
- Tài liệu được bảo hộ bản quyền nhưng số hoá để sử dụng với mục đích phi thương mại trong phạm vi hạn chế của thư viện, trường học, viện nghiên cứu.
- Bản thân việc số hoá tài liệu không vi phạm bản quyền, việc vi phạm hay không phụ thuộc vào mục đích sử dụng (chẳng hạn dùng với mục đích thương mại làm ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế của người nắm giữ bản quyền là vi phạm) và phạm vi sử dụng (ví dụ nếu phổ biến rộng rãi ra công chúng, ngoài phạm vi thư viện là vi phạm).



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Điều 2 Công ước Berne (Bản dịch chính thức của NIOP).
2. Khoản 2 Điều 23 Nghị định 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan.
3. Khoản 10 Điều 4 Luật SHTT.
4. Nghị định 100/2006/NĐ-CP.
5. Điểm a, đ khoản 1 Điều 25 Luật SHTT.
6. Khoản 4 Điều 2 Luật Khoa học và công nghệ.
7. Điều 107 Luật bản quyền Hoa Kỳ.
8. Khoản 3, Khoản 5 và Khoản 10 Điều 28 LSHTT.